

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sáu

Bà Quách Xuân Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Kim Thùy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Dương L, sinh ngày 11/11/2003; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 24/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xử 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1964. Nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Lê Thị T, sinh năm 1969. Nơi cư trú: tổ 07, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 11/10/2023 Nguyễn Văn Dương L và Trần Văn T1 đi bộ đến cầu sắt Chú B ở khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì gặp Thái Minh T2 chạy xe mô tô biển số 64K1-300.21 nên L và T1 hỏi được đi cùng; T2 đồng ý. Khi

đến ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì L và T1 xuống xe đi bộ thêm khoảng 100 mét rồi nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ-đen, biển số 64H1-090.43 của ông Bùi Văn Đ đậu ở cặp đường vẫn còn gắn chìa khóa mà không có người giữ. Trên xe có treo 02 máy massage và trong cốp xe có số tiền mặt là 3.500.000 đồng cùng 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 64H1-090.43 và 01 căn cước công dân mang tên Bùi Văn Đ.

Lúc này, T1 nảy sinh ý định lấy xe của ông Đ, nên T1 rủ L cùng lấy trộm; L đồng ý. T1 lại bật chìa khóa xe biển số 64H1- 090.43 rồi chở L về nhà của T1 ở tổ E, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi lấy xe, T1 tháo biển số xe 64H1-090.43 và lấy biển số 64H1-125.38 của xe khác gắn vào xe của ông Đ để chạy nhằm tránh bị người khác phát hiện.

Đến ngày 09/11/2023, khi L đang chạy xe Sirius của ông Đ gắn biển số 64H1.125.38 chở T1 đến khu vực thị trấn T thì bị Công an thị trấn T kiểm tra phát hiện L điều khiển xe không có giấy tờ nên tạm giữ xe để xử lý.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 45/KLĐGTS ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ-đen, có số máy là IFC1017040, số khung là RLCSIFC10DY017019 biển số 64H1-090.43 của ông Bùi Văn Đ có giá trị là 4.800.000 đồng”. (BL 29)

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 02/01/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Dương L về tội trộm cắp tài sản và ra lệnh bắt bị can tạm giam để điều tra cho đến nay.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã chứng minh được như sau: (Bút lục: 01; 29-30; 31; 49-55; 92-99).

- Đối với Trần Văn T1 từ khi xảy ra vụ việc thì T1 đã bỏ đi không có mặt ở địa phương, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng chưa tìm được để làm việc. Quá trình điều tra thì L khai nhận cùng với T1 thực hiện việc lấy trộm xe mô tô biển số xe 64H1-090.43 của ông Bùi Văn Đ. Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm T1, khi nào làm việc được với T1 sẽ xử lý sau.

- Đối với Thái Minh T2 chỉ chạy xe cho L và T1 quá giang; không biết việc L và T1 đi lấy trộm tài sản của người khác nên không có căn cứ xử lý T2.

- Đối với biển số xe 64H1 -125.38 được xác định là của anh Trần Văn N1, sinh năm 1996, ngụ: tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) đã bán chiếc xe trên cho người khác.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, có số máy là 1FC 1017040, số khung là RLCS1FC10DY017019 Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho ông Bùi Văn Đ xong.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Bùi Văn Đ yêu cầu L bồi thường số tiền 3.500.000 đồng mà L lấy trộm trong cốp xe thì được bà Lê Thị T (mẹ ruột của L) bồi thường số tiền trên cho ông Đ xong. Nay bà T không yêu cầu L phải trả lại số tiền này.

- Đối với 02 máy massage bị mất trộm ông Bùi Văn Đ không yêu cầu Nguyễn Văn L phải bồi thường.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSBT ngày 13/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị can Nguyễn Văn D Lên về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Dương L đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo L từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự

Ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000 đồng nhưng mẹ bị cáo là bà T đã bồi thường xong nên ông không yêu cầu gì thêm.

- Bà T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.500.000 đồng mà bà đã bồi thường thay cho bị cáo nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

- Ông Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường 02 máy massage nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 64H1 -125.38 do đây là biển số giả.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Ông Đ trình bày: Ông đã nhận số tiền 3.500.000 đồng của mẹ bị cáo bồi thường. Nay ông không yêu cầu gì thêm. Ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo còn nhỏ tuổi cần có cơ hội làm lại cuộc đời.

Bà T trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo. Bị cáo đã tác động bà bồi thường cho ông Đ số tiền 3.500.000 đồng và bà đã bồi thường xong. Nay tại phiên tòa bà không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì đã biết sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ ngày 11/10/2023 bị cáo cùng Trần Văn T1 đi bộ trên đường Đ thuộc tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Sirius biển số 64H1- 090.43 của ông Đ đậu cặp đường có gắn chìa khóa trên xe. T1 rủ bị cáo L lấy trộm xe rồi T1 lại mở khóa chở bị cáo L về nhà T1.

Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản thì xe mô tô biển số 64H1- 090.43 của ông Bùi Văn Đ có giá trị là 4.800.000 đồng. Ngoài ra, trong cốp xe 64H1- 090.43 có tiền mặt của ông Đ là 3.500.000 đồng. Do đó, tổng số tiền mà bị cáo lấy trộm tài sản của ông Đ có giá trị là 8.300.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong Bản cáo trạng số 19/CT-VKSBT ngày 13/3/2024 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Bản thân bị cáo ngày 24/9/2021 bị Tòa án huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 19/12/2021 chấp hành xong trở về địa phương lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, thời điểm bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù thì bị cáo là người dưới 18 tuổi nên lần phạm tội mới này được xem là phạm tội lần đầu theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chính vì vậy cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo là không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại xong. Ngoài ra, tại phiên tòa phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do đó, cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để lượng hình cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, xét bị cáo không có việc làm, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Quá trình điều tra thì bị cáo khai nhận cùng với Trần Văn T1 thực hiện việc lấy trộm xe mô tô biển số xe 64H1- 090.43 của ông Bùi Văn V Đang. Trần Văn T1 hiện không có mặt ở địa phương, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng chưa có kết quả, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường 02 máy massage nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau khi nhận đủ số tiền 3.500.000 đồng của bà Lê Thị T (mẹ ruột bị cáo) thì ông không có yêu cầu gì thêm.

Bà T là mẹ ruột bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo số tiền 3.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo trả lại. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật do đó cần được ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen có số máy là 1FC 1017040, số khung là RLCS1FC10DY017019 cho ông Bùi Văn Đ xong.

- Đối với 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 64H1-090.43 và 01 giấy căn cước công dân mang tên Bùi Văn Đ do Cơ quan điều tra không thu hồi được nên ông không yêu cầu nhận lại, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với biển số xe 64H1 -125.38 được xác định là của anh Trần Văn N1, sinh năm 1996, ngụ tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) nhưng anh đã bán xe này cho anh Nguyễn Tuấn V1 ngụ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và có làm thủ tục sang tên. Thời điểm đó, Công an xã T đã thu hồi lại biển số 64H1 -125.38 và đã tiêu hủy xong. (BL 66). Sau khi lấy xe của ông Đ do sợ bị phát hiện nên bị cáo đã làm biển số 64H1-125.38 gắn vào xe của ông Đ để chạy. Xét đây là biển số được làm giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Dương L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Dương Lên 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 04 tháng 01 năm 2024.

Căn cứ khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe 64H1-125.38.

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hồi cung bị cáo để làm chứng cứ.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân đang tạm giữ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/3/2024).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- CA H. Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã Thành Trung
- Bị cáo và các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thanh Hùng